



Mã số/ Ref. No: 10360/2024/PKQ (24.9841)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9841.KT.02	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni, công suất 7.419 m ³ /h	X=1183941, Y=0409205
24.9841.KT.03	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực sấy vecni, công suất 12.000 m ³ /h	X=1183933, Y=0409337
24.9841.KT.04	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn, công suất 18.000 m ³ /h	X=1183929, Y=0409211
24.9841.KT.05	Khí thải tại ống thải sau Hệ thống xử lý tại khu vực phun sơn, công suất 25.800 m ³ /h	X=1183900, Y=0409343
24.9841.KT.06	Khí thải tại ống thoát hệ thống xử lý bụi tại công đoạn nấu chảy nhôm và đúc rotor (công suất 21.933 m ³ /h)	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 17/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 30/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				24.9841. KT.02	24.9841. KT.03	24.9841. KT.04	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	4.185	6.914	10.877	-
2	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870
3	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	KPH (MDL=0,025)	870

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN Khí thải công nghiệp
				24.9841.KT.05	24.9841.KT.06	
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	20.109	16.178	-
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	-	31	128 ⁽¹⁾
3	Etylbenzen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾
4	Xylen ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649	KPH (MDL=0,025)	-	870 ⁽²⁾

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

3 "-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

ĐP

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 10359/2024/PKQ (24.9538)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CÔNG TY TNHH HYOSUNG VINA INDUSTRIAL MACHINERY - Đường N3, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
24.9538.NT.03	Nước thải đầu ra HTXL SPX DN	X=1183820, Y=0409362

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 10/12/2024

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 20/12/2024

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	Tiêu chuẩn nước thải IDICO
				24.9538.NT.03	
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	6,48	5,5 - 9
2	Clo dư ^(a)	mg/L	HDCV/ĐN-H08	0,52	1,2
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	15	200
4	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	12,8	400
5	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	4,2	200
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	11,3	50
7	Tổng N ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000	26,1	60
8	Tổng P ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,28	6
9	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL=2)	-
10	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	-



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2024

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

